

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Phường Đông Phương

Huyện, Quận Đông Anh

Tỉnh, Thành phố Hà Nội

QĐ số

Ngày

Số 358

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên LÊ ĐÌNH VŨ

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

Bí danh không

không

Sinh ngày tháng Tháng tám tháng bảy

Tháng mười hai tháng sáu

năm hay tuổi năm một ngàn chín trăm

năm một ngàn chín trăm

Sáu mươi ba (15-07-63)

Sáu mươi bốn (22-06-64)

Dân tộc Kinh

Kinh

Quốc tịch Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp Công nhân

Bán buôn

Nơi đăng ký 47/166 khu 5

91/69 ấp xã Đông Anh

nhân khẩu phường Tam Hoa

xã Đông Anh

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân: 270134147

270141279

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 12 tháng 11 năm 1983

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND

Vũ Văn Phóng

chủ tịch



Nguyễn Sơn Thái

SAO Y BẢN CHÍNH

ĐỒNG CHỨNG VIÊN

TP. 491/77 - 2.000.000



QUYỂN SỐ

LƯU TRẠNG SỐ

SỐ THỨ TỰ

THU LẬP

3

6

24

31



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số NT12/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Phường Tân Phong

Huyện, Quận Biên Hòa

Tỉnh, Thành phố Đồng Nai

QĐ số

Ngày

Số 356

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

LÊ ĐÌNH VŨ

NGUYỄN THỊ KIM LIÊN

Bí danh

không

không

Sinh ngày tháng

Tháng năm tháng bảy

Tháng mười hai tháng sáu

năm hay tuổi

năm một nghìn chín trăm

năm một nghìn chín trăm

Sau mười lăm (15-07-63)

Sau mười bốn (22-06-64)

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Công nhân

Đàn ông

Nơi đăng ký

17/166 xóm 5

91/69 ấp xã Tân Phong

nhân khẩu

gmina Tân Hòa

xã Tân Phong

thường trú

Số giấy chứng minh nhân dân: 270134147

270141279

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 11 tháng 11 năm 1983

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND

Xã Tân Phong

Chủ tịch



Nguyễn Sơn Hải

SỞ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

ĐỒNG NHẬN KẾT HÔN

ĐỒNG NHẬN KẾT HÔN

TP. 091/77 - 2.000.000



QUYỂN SỐ

LƯU TRẠNG SỐ

SỐ THỨ TỰ

THU LỆ PHÍ

3

2

1

1





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270141276



Họ tên: **NGUYỄN THỊ LIÊN**

Sinh ngày: **1961.**

Nguyên quán: **Hải Hưng.**

Nơi thường trú: **Đ1/69. Đồng Tràm
Tân Phong, Biên Hòa, Đ. Nai.**



SÁO Y BẢN CHÍNH

QUYỀN S5*

3

100 TRĂM S5*

6

THỜI HÒA NGÃY 12/6/1989

89

12

SỞNG CHỨNG VIỆN

14



Nguyễn Văn Linh

ĐA



Dân tộc:	Kinh	Tôn giáo:	Thiên chúa.
		NGON TRÓ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH
		NGON TRÓ PHẢI	Sọc cong D.1cm C.4cm trên sau mép trái.
		Ngày 06 tháng 09 năm 1978. CHIEU LỆNH CỦA TRƯỞNG TỶ CÔNG AN Đỗ Văn Nguyễn Văn	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270141279

Họ tên NGUYỄN THỊ LIÊN

Sinh ngày 1962

Nguyên quán Hải Hưng

Nơi thường trú 91/69 Đồng Trâm
Tân Phong, Biên Hòa, Đ. Nai.

SÁO Y BẢN CHÍNH
BIÊN HOA NGÀY 26/6/88
CÔNG CHỨC VÀ VIỆC

QUYỀN S6

LƯU TRẠNG S6

SỐ THỨ TỰ

THU LỆ PHÍ

3
6
12
10

Handwritten signature



Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên chúa.	
	NGÓN TRỎ TRÁI
	
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH Sọc cong D.1cm C.4cm trên sau mép trái.	
Ngày 06 tháng 09 năm 1978. CHIEU TRƯỞNG TY CÔNG AN <i>Handwritten signature</i> <i>Handwritten signature</i>	

UB. QQ. TP. BH.

Phòng Trình Diện

SB 146
ngày giao 25/06/75
tại phòng 02



Số: 227g

GIẤY CHỨNG NHẬN

Anh : Võ Đình Thạch tuổi : 1942
Chức vụ : Trung úy Đại đội trưởng
Đơn vị : Tại đơn vị 10/3/72 tại đơn vị 5 BB
Nhà ở : 35 Khu 2, 1/6 01/72 Tân Bình BH
Đã ra trình diện tại phòng trình diện số : 1

Ngày 12 - 5 - 75

Có mang theo Căn cước

— Võ khí không

— Tài liệu không

— Các thứ khác không



Ngày 23 tháng 5 năm 1975

Tại Phòng Trình diện số 1

[Handwritten signature]
Thay mặt

SÁO Y BAN CHÍNH

BIÊN HÒA Ngày 23/6/75

CÔNG CHỨNG VIỆN

SỞ THỦ TƯỚNG

THỦ LỆ PHÍ



UB. QQ. TP. BH.

Phòng Trình Diện

XS' 146

ngày giao 25/06/75
tại phòng 02

Số: 227g

GIẤY CHỨNG NHẬN

Anh : V. Đình Phách tuổi : 1942

Chức vụ : Tổng ủy Sài Gòn

Đơn vị : Sai Gòn 10/8/ Sĩ Quan 5 BB

Nhà ở : 35 Khu 2/GĐ/12 Tân Bình BH

Đã ra trình diện tại phòng trình diện số : 1

Ngày 12-5-75

Có mang theo Căn cước

— Võ khí không

— Tài liệu nt

— Các thứ khác nt

Ngày 23 tháng 5 năm 1975

T.M. Phòng Trình diện số 1



Signature: Dương Thanh Trú

SỐ Y BẢN CHÍNH

BIÊN SỐ

BIÊN HÒA Ngày 12/6/75

LƯU TRƯNG SỐ

SỐ THƯ TỰ

THU LỆ PHÍ

CÔNG CHỨC VIỆN



Signature: Hoàng Văn Liễn



PHIẾU GIẢI-PHẪU

Họ và Tên

Lê Đình Thanh

Cấp bậc

Trung úy số quân 62/134.847

Đơn - vị

4734

Ngày nhập viện

Ngày xuất viện

Chứng bệnh

Giải-phẫu ngày

Y-Sĩ giải-phẫu

KS Lâm Thanh Đề

K.B.C. 30.80, ngày 3-11-72

Y-Sĩ Trưởng Quân-Y-Viện

Y-Sĩ Đại-Ủy LÂM THANH-ĐỀ

[Signature]

— Mỗi khi đi xin khám bệnh hoặc đi nhập viện phải mang phiếu này theo.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC-PHÒNG

NHA QUÂN-Y

QUÂN-Y-VIỆN

THẺ-THỨC GIẢI-PHẪU

Lâm Thanh Đề - Lấy các
mẫu mô học
Tissue for pathology
(Gandy)

CƯỚC CHỮ :

* Bình Chiếu nước.

Chặt cây dưới gai lầy gói
sao văng rồi nấu 03 chén
còn 8 phân cho uống.
Đau bao tử

* Cây Bưởi (cả nũ) chặt phần
khô đốt thành than nấu
nước uống lần lần đi tã.

Chuyên đến	Chuyên đến
Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu	Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu
Chuyên đến	Chuyên đến
Từ ngày tháng năm	Từ ngày tháng năm
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

MÃ SỐ NX 4

ĐÀ NẴNG

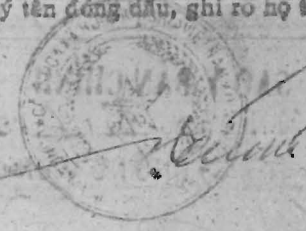
GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRỌNG HỘ

Số: 10.10.88

Họ và Tên chủ hộ: NGUYỄN THỊ TÂN
Số nhà: 91/16 Ngõ (hẻm): 7
Đường phố: Khóm 11 Đền CAND Tân Phong
Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Biên Hòa
Tỉnh, thành phố: Đồng Nai

Ngày 15 tháng 7 năm 1988
Trưởng Công An
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Đã được đăng ký

NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày tháng năm đăng ký nhà khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	Nguyễn Thị Tào	1944	Nữ		Buôn bán	270133770	21/9/81		
2	Nguyễn Thị Minh	1937	"		"	270133153			
3	Nguyễn Phùng Triệu	1971	Nam		HS	270934353			
4	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	1973	Nữ		"				
5	Nguyễn Thị Bảo Trâm	1977	"		"				
6	Nguyễn Trọng Tri	1978	Nam		"				
7	Nguyễn Thị Nga	1961	Nữ		Buôn bán	270134438			
8	Phan Thị Niêm	1960	"		"	270577810			
9	Lê Đình Thuận	1958	Nam			270641731			
10	Lê Anh Huy	1978	"						
11	Lê Đình Văn Thảo	1980	Nữ						
12	Lê Phong	1982	Nam						
13	Lê Thụy Vân	1983	Nữ						
14	Lê Đình Hòa	1959	Nam			270059421		1987 - NV QS	
15	Nguyễn Mạnh Trường	1954	"			270110498		1986 - Trưởng CNKTCK-SB	
16	Lê Đình Ngọc Hân	1986	Nữ					24-2-89	

SAO Y BẢN CHÍNH

13.6.87

100

100 đ

Chuyển đến	Chuyển đến
Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu	Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu
Chuyển đến	Chuyển đến
Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu	Từ ngày tháng năm Ký tên đóng dấu
NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC	

Mẫu số NK 4

ĐÃ KIỂM TRA

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

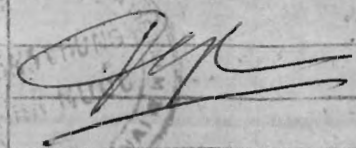
Số: 10.10.2811

Họ và Tên chủ hộ: NGUYỄN THỊ TÂN
Số nhà: 91/16 Ngõ (hẻm): Tổ 7
Đường phố: Khuất Lữ Đền CAND Tân Phong
Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: Biên Hòa
Tỉnh, thành phố: Đồng Nai

Ngày 15 tháng 7 năm 19 88
Trưởng Công An
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	Nguyễn Thị Tào	1941	Nữ		Buôn bán	270133770	21/9/91		
2	Nguyễn Thị Minh	1937	"		"	270133153			
3	Nguyễn Phùng Triệu	1971	Nam		HS	270934353			
4	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	1973	Nữ		"				
5	Nguyễn Thị Bảo Trâm	1977	"		"				
6	Nguyễn Trọng Tri	1978	Nam		"				
7	Nguyễn Thị Nga	1961	Nữ		Buôn bán	270134438			
8	Phan Thị Niệm	1960	"		"	270577810			
9	Lê Đình Thuận	1958	Nam			270641731			
10	Lê Anh Huy	1978	"						
11	Lê Đình Văn Thảo	1980	Nữ						
12	Lê Phong	1982	Nam						
13	Lê Thụy Vân	1983	Nữ						
14	Lê Đình Hòa	1959	Nam			270059421		1987 - NV QS	
15	Nguyễn Mạnh Trường	1954	"			270710498		1986 - Trưởng CNKTCK-SB	
16	Lê Đình Nguyễn Hân	1985	Nữ					94-2-89	
SAO Y BẢN CHÍNH BIÊN BẢN NGƯỜI 13.6.89 ĐỒNG CHỨC VIÊN  									
			3						
			11						
			14						
			100						

Hồ Sơ Tên: Trương Mỹ Lê Đình Thach

Số quân. 02 134 847

Số Đoàn 5 BB - Trung Đoàn 7

Tiền Đoàn 3/7

Chức vụ. Đại Đội trưởng ĐĐ 10

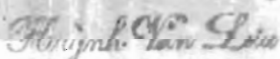
Hồ Sơ Bộ - WC - WP. 0182

- Hồ Sơ chi số.

- Khai danh cái con cháu.

- Hồ Sơ khẩu & cần cứu liên này

- kèm những giấy liên hệ gia đình.



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Phước Tân Phong
Thị xã Quận
Thành phố, Tỉnh ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: HT2/P3

GIẤY KHAI SINH

Số 1953
Quyển số 02

Họ và tên:	<u>LÊ - THỊ - VÂN - ANH.</u>		Nam, nữ <u>Nữ.</u>
Sinh ngày tháng, năm:	<u>15 - 7 - 64.</u> (Mười lăm tháng Mười Một năm một ngàn chín trăm sáu mươi tư)		
Nơi sinh	<u>NHA HỘ SINH FƯỜNG HÒA BÌNH.</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Lê Đình Vũ.</u> <u>15 - 7 - 1963.</u>	<u>Ng - Thị - Kim Liên.</u> <u>22 - 6 - 1967.</u>	
Dân tộc	<u>Kinh.</u>	<u>Kinh.</u>	
Quốc tịch	<u>Việt NAM.</u>	<u>Việt NAM.</u>	
Nghề nghiệp	<u>CÔNG NHÂN VIỆN ĐÀO TẠO SỞ LÂM NGHIỆP</u>		
Nơi ĐKNK thường trú	<u>91/16 ẤP TÂN FÚC FƯỜNG TÂN FONG.</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đăng khai	<u>Lê Đình Vũ.</u> <u>91/16 ẤP TÂN FÚC FƯỜNG TÂN FONG.</u> <u>270134147, cấp tại Đồng Nai.</u>		

SỐ Y BẢN CHÍNH

ĐỒNG HÒA NGÀY 26 THÁNG 7 NĂM 1984
SỞ CHỨNG VIỆN

ĐƯỢC 3
CƠ TRƯNG 6
CƠ TỈNH 27
PHỤ LỆ 20

Đăng ký ngày 26 tháng 7 năm 1984

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM. Ủy Ban nhân dân phường



THỦ KÝ

Thanh

Nguyễn Ngọc Thanh



Nguyễn Văn Lâm



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Xã phường ..*Tân. phong.*

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số ..*55*.....

Huyện, Quận

Quyển ..*1*....

Tỉnh, Thành phố ..*Biên. Hòa*



PHÍ

GIẤY KHAI SINH

Họ và tên*Lê. Đình. Mạnh.*..... Nam hay Nữ ..*nam*...

Ngày, tháng, năm sinh

ngày. một. tháng. một. năm. một. ngàn. chín. trăm. tám. mươi. chín.

Nơi sinh*Biên. hòa. đông. Nai*.....

Dân tộc*Kinh*..... Quốc tịch*Việt. Nam*.....

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<i>Nguyễn. Thị. Kim. Liên.</i>	<i>Lê. Đình. Dư.</i>
Tuổi	<i>25⁺</i>	<i>27⁺</i>
Dân tộc	<i>Kinh</i>	<i>Kinh</i>
Quốc tịch	<i>Việt. Nam</i>	<i>Việt. Nam</i>
Nghề nghiệp	<i>Làm. rẫy</i>	<i>Làm. rẫy</i>
Nơi thường trú	<i>141/4. K. II.</i> <i>phường. Tân. phong.</i>	<i>141/4. K. II.</i> <i>phường. Tân. phong.</i>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn. Thị. Kim. Liên. 25⁺ thường trú. 141/4. K. II.

Phường. Tân. phong. CMND. Số. 270141279.

Đăng ký ngày *24*... tháng *03*... năm *1989*

Người đứng khai ký,

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN



Thư

Nguyễn. Thị. Kim. Liên.

Thanh

Nguyễn. Ngọc. Thanh

QUYỀN SỬ 5
LƯU TRƯNG SỬ 6
SỐ THỨ TỰ 25
THU LỆ PHÍ 10



SỞ Y VỆ CHỨC
SỞ Y BAN CHÍNH



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã phường Tân. phong.
Huyện, Quận
Tỉnh, Thành phố Liên. Hoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT
Số 55.....
Quyển D.....



PHI



GIẤY KHAI SINH

Họ và tên Lê. Đình. Mạnh Nam hay Nữ nam.....
Ngày, tháng, năm sinh
ngày. một. tháng. một. năm. một. ngàn. chín. trăm. tám. mươi. chín.
Nơi sinh Biển. Hòa. Đông. Hải.
.....
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt. Nam.....

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn. Thị. Kim. Liên</u>	<u>Lê. Đình. Quý</u>
Tuổi	<u>25</u> ^T	<u>27</u> ^T
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt. Nam</u>	<u>Việt. Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm. rẫy</u>	<u>Làm. rẫy</u>
Nơi thường trú	<u>141/4. K. II.</u> <u>phường. Tân. phong.</u>	<u>141/4. K. II.</u> <u>phường. Tân. phong.</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

Nguyễn. Thị. Kim. Liên. 25^T. Thường. trú. 141/4. K. II.
phường. Tân. phong. C.M.N.V. Số. 27C.14.12.79.

SÀO Y BẢN CHÍNH

Người đứng khai ký,

Đăng ký ngày 24... tháng 03. năm 1989.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

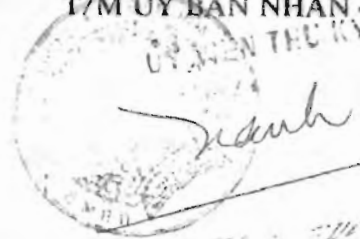
BIÊN HÒA Ngày 20 / 6 / 89
CỘNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Văn Liên

Nguyễn. Thị. Kim. Liên.

QUYỂN SỐ 3
LƯU TRẠNG 6
SỐ THỨ TỰ 26
THU LẬP HN



Nguyễn Văn Liên



Số hiệu: 3096

KHAI SANH

MIỄN-PHÍ

SAO Y DÂN CHÍNH

BÌNH-TRƯỚC, ngày 17/1/1967

CỘNG-CHƯƠNG VIÊN

SỐ THỦ TỰ

TỈNH LỆ PH

Tên, họ ấu-nhi: Lê-Dinh-Vũ

Phái: Nam

Sinh: mười tám tháng Bảy Dương-lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba.

(Ngày, tháng, năm)

Tại: Ấp Tân-Hải Biên-Hoà

Cha: Lê-Dinh-Nghen

Tuổi: Hai mươi một tuổi

Nghề-nghiep: Quân-nghĩa

Cư-trú tại: Ấp Tân-Hải Biên-Hoà

Mẹ: Nguyễn-thị-Minh

Tuổi: Hai mươi sáu tuổi

Nghề-nghiep: Mối-trợ

Cư-trú tại: Ấp Tân-Hải Biên-Hoà

Vợ: Võ-Chánh

(Chánh hay thứ)

Người khai: Nguyễn-Dũng

(Tên, họ)

Tuổi: Ba mươi hai tuổi

Nghề-nghiep: Quân-nghĩa

Cư-trú tại: Bình-Trước Biên-Hoà

Ngày khai: Mười tám tháng Bảy năm 1963.

Người chứng thứ nhất: Nguyễn-thị-Bé

(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi bảy tuổi

Nghề-nghiep: Nữ trợ-tá Xã Hội

Cư-trú tại: KBC 4287

Người chứng thứ nhì: Trần-thị-Lợi

(Tên, họ)

Tuổi: Hai mươi ba tuổi

Nghề-nghiep: Nữ trợ-tá Xã-Hội

Cư-trú tại: KBC 4287

Làm tại xã Bình-Trước, ngày 18 tháng Bảy / 1963.

Người khai, Nguyễn-Dũng, Lê-Văn-Khánh, Nhân chứng, Nguyễn-thị-Bé, Trần-thị-Lợi.

TỈNH BIÊN-HOÀ

Nhân-Lưu-Chức-Hộ-Lý-Cục

Ủy-Ban-Hành-Quản-xã-Bình-Trước,

ghi-trên

Sinh-nhật: 17/1/1967

TỔN: TÂN-HẢI-BIÊN-HOÀ

Xã: Bình-Trước

Khai-Sinh: 17/1/1967

Khai-Sinh: 17/1/1967

Khai-Sinh: 17/1/1967

Khai-Sinh: 17/1/1967